

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HỌC TẬP SỐ: ĐÒN BẦY THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

Dương Văn Quý¹

Email: duongquy.lawyer@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 18/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 8/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.794

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng chính sách pháp luật về xã hội học tập số tại Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Nghiên cứu chỉ ra rằng, dù có quyết tâm chính trị, hành lang pháp lý hiện hành còn phân mảnh, tồn tại nhiều bất cập về bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và đảm bảo công bằng trong tiếp cận, từ đó cản trở quá trình chuyển đổi số trong giáo dục. Bằng các phương pháp phân tích luật viết, so sánh và tổng hợp, bài viết luận giải vai trò “đòn bẩy” của việc hoàn thiện chính sách pháp luật đối với việc thực hiện các mục tiêu SDGs. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các khuyến nghị cụ thể nhằm xây dựng một khung pháp lý đồng bộ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững tại Việt Nam.

Từ khóa: chính sách pháp luật, xã hội học tập số, phát triển bền vững, SDGs, Việt Nam

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và cam kết toàn cầu về các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), việc xây dựng xã hội học tập (XHHT) số đã trở thành một yêu cầu chiến lược đối với Việt Nam. Đây được xem là phương thức then chốt để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời là công cụ để thực thi các mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt là mục tiêu về giáo dục chất lượng (SDG 4) và giảm bất bình đẳng (SDG 10) (Lê, 2023).

Nhận thức rõ tầm quan trọng này, Việt Nam đã thể hiện một cam kết chính trị mạnh mẽ và nhất quán. Chủ trương xây dựng XHHT đã được khẳng định xuyên suốt trong các văn kiện của Đảng và được thể chế hóa thành các đề án quốc gia cụ thể, tiêu biểu là Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính Phủ. Các chính sách này đều nhấn mạnh vai trò của việc ứng dụng công nghệ số và phát triển các hình thức học tập suốt đời như một nhiệm vụ trọng tâm.

¹ Thạc sĩ, Luật sư, Đoàn Luật Sư TP. HCM

Tuy nhiên, giữa khát vọng chính sách và thực tiễn thi hành đang tồn tại một khoảng trống đáng kể, bắt nguồn từ sự chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ của hành lang pháp lý. Mặc dù quyết tâm chính trị là rõ ràng, nhưng các quy định pháp luật cụ thể để định hình và điều tiết môi trường học tập số còn tồn tại nhiều bất cập. Quá trình chuyển đổi số trong giáo dục tại Việt Nam đang vấp phải những rào cản pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với học liệu số, và sự thiếu tương thích của các tiêu chuẩn giáo dục với phương thức đào tạo mới (Trần & Nguyễn, 2025). Việc thiếu một khung pháp lý toàn diện không chỉ làm chậm quá trình đổi mới mà còn tiềm ẩn các rủi ro về an ninh, an toàn và công bằng trong giáo dục.

Thực tiễn này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật về XHHT số. Một khung pháp lý vững chắc và hài hòa với các chuẩn mực quốc tế sẽ là đòn bẩy then chốt để giải phóng tiềm năng của công nghệ, thúc đẩy giáo dục phát triển và qua đó, hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững. Xuất phát từ những luận cứ trên, bài viết này tập trung phân tích thực trạng chính sách pháp luật về XHHT số tại Việt Nam, từ đó đề xuất các khuyến nghị mang tính hệ thống nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý này, góp phần vào cả sự phát triển của khoa học pháp lý và quá trình hoạch định chính sách của quốc gia.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khung lý thuyết về mối quan hệ biện chứng giữa Xã hội học tập số, Chính sách pháp luật và Phát triển bền vững

Nghiên cứu này được xây dựng trên một khung lý thuyết về mối quan hệ tương

tác, biện chứng giữa ba trụ cột: XHHT số, Chính sách pháp luật, và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Mối quan hệ này không phải là tuyến tính mà là một vòng tròn tác động qua lại, trong đó pháp luật đóng vai trò kiến tạo và điều tiết trung tâm.

Sự trỗi dậy của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã thúc đẩy sự hình thành của XHHT số - một hệ thống giáo dục được kiến tạo trên nền tảng ứng dụng công nghệ số và Internet (Nguyễn và nnk., 2024). Đây là một sự chuyển đổi toàn diện về phương thức tiếp cận và phổ biến tri thức, nơi mọi người có thể học ở mọi lúc, mọi nơi, thông qua các thiết bị số (Trần, 2019). Tuy nhiên, chính sự phát triển này lại làm nảy sinh những thách thức và rủi ro mới về an ninh, an toàn, công bằng và quyền riêng tư, đòi hỏi phải có một cơ chế điều tiết hiệu quả.

Trong bối cảnh đó, chính sách pháp luật nổi lên như một công cụ điều tiết quan trọng và ưu việt hơn so với các công cụ thuần túy kinh tế hay kỹ thuật. Trong khi các giải pháp kỹ thuật chỉ có thể giải quyết các vấn đề an toàn ở mức độ hạ tầng và thị trường chỉ vận hành theo quy luật lợi nhuận, thì pháp luật là công cụ duy nhất có khả năng: (1) thiết lập và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân trong không gian số (như quyền riêng tư, quyền tiếp cận thông tin); (2) đảm bảo tính công bằng và bao trùm, chống lại sự phân hóa do “khoảng cách số”; và (3) tạo ra một cơ chế ràng buộc trách nhiệm rõ ràng cho tất cả các chủ thể, từ nhà nước đến doanh nghiệp và người dân. Do đó, pháp luật không chỉ là “hàng rào” bảo vệ mà còn là “bệ đỡ” kiến tạo, định hình một XHHT số phát triển lành mạnh và nhân văn.

Sự phát triển của XHHT số, được

định hướng bởi một khung pháp lý vững chắc, sẽ trở thành phương tiện cốt lõi để hiện thực hóa các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Một nền giáo dục chất lượng và công bằng (SDG 4) sẽ giúp xóa đói giảm nghèo (SDG 1), thúc đẩy bình đẳng giới (SDG 5), và xây dựng các thể chế vững mạnh (SDG 16) (Lê, 2023). Ngược lại, chính các yêu cầu của phát triển bền vững lại đặt ra những đòi hỏi mới, thúc đẩy pháp luật phải tiếp tục đổi mới để điều chỉnh XHHT số một cách hiệu quả hơn. Chẳng hạn, yêu cầu về giảm bất bình đẳng (SDG 10) đòi hỏi pháp luật phải có những chính sách mạnh mẽ hơn để thu hẹp khoảng cách số. Như vậy, ba yếu tố này tạo thành một vòng tròn phát triển năng động: XHHT số đặt ra *yêu cầu cho pháp luật; pháp luật kiến tạo và điều hướng XHHT số; và XHHT số trở thành công cụ thực hiện các mục tiêu SDGs, và các mục tiêu này lại quay trở lại đặt ra yêu cầu cho pháp luật và XHHT số.*

2.2. Các lĩnh vực pháp lý trọng yếu cần được soi chiếu

Từ khung lý thuyết trên, bài viết sẽ tập trung soi chiếu thực trạng chính sách pháp luật Việt Nam qua lăng kính của các lĩnh vực pháp lý trọng yếu mà kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra là có vai trò quyết định đến sự thành công của một XHHT số (Conrads và nnk., 2017). Các lĩnh vực này bao gồm:

- Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư: Hoạt động giáo dục số liên quan đến việc thu thập và xử lý một khối lượng lớn dữ liệu nhạy cảm của người học. Việc xây dựng các quy định pháp luật chặt chẽ, tương thích với các chuẩn mực quốc tế như GDPR của châu Âu, là yêu cầu cấp thiết (Trần & Nguyễn, 2025; Zahynei-Zabolotenko và nnk., 2023).

- Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: Sự phát triển của XHHT số phụ thuộc rất lớn vào việc sáng tạo và chia sẻ các học liệu số. Một khung pháp lý rõ ràng về bản quyền sẽ khuyến khích các tác giả đầu tư vào việc xây dựng các tài nguyên giáo dục mở chất lượng cao (Trần & Nguyễn, 2025).

- Tiêu chuẩn giáo dục và đảm bảo chất lượng: Pháp luật cần quy định các tiêu chuẩn quốc gia về giáo dục số để đảm bảo chất lượng và giá trị của văn bằng, chứng chỉ trong môi trường số (Conrads và nnk., 2017).

- Khả năng tiếp cận và công bằng: Chính sách pháp luật phải giải quyết vấn đề “khoảng cách số”, đảm bảo mọi người dân, đặc biệt là những nhóm yếu thế, đều có cơ hội tiếp cận bình đẳng với giáo dục số (Nguyễn và nnk., 2024).

III. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính là chủ đạo, kết hợp các phương pháp cụ thể như phân tích tài liệu, tổng hợp, so sánh luật học và phân tích luật viết. Các phương pháp này được vận dụng để hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận về XHHT số và phát triển bền vững; phân tích, đánh giá thực trạng các quy định pháp luật của Việt Nam trong mối tương quan với kinh nghiệm quốc tế; từ đó khái quát hóa các vấn đề và đề xuất những giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật về lĩnh vực này.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng chính sách pháp luật về xã hội học tập số tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã thể hiện một quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong việc thúc đẩy giáo dục số. Điều

này được minh chứng rõ nét qua Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Nghị quyết xác định “chuyên đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo” là một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Văn bản này nhấn mạnh yêu cầu xây dựng các nền tảng giáo dục thông minh, thúc đẩy XHHT và học tập suốt đời, đồng thời yêu cầu bố trí đủ nguồn lực để “đẩy nhanh chuyển đổi số... ở tất cả các cấp học trên phạm vi cả nước” (Bộ Chính trị, 2025).

Nghị quyết 71-NQ/TW đã thúc đẩy mạnh mẽ về mặt chính sách, kế thừa và phát triển các chủ trương đã được đề ra trong các văn kiện Đảng trước đó (Nguyễn, 2021) và được cụ thể hóa tại Quyết định số 1373/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Các văn bản này cùng tạo nên một định hướng chiến lược quốc gia rõ ràng, coi XHHT số là con đường tất yếu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hội nhập quốc tế (Đặng, 2021).

Ở cấp độ luật, một số văn bản pháp luật hiện hành đã tạo ra nền tảng ban đầu cho việc điều chỉnh các hoạt động trong môi trường giáo dục số. Luật Giáo dục năm 2019 đã đề cập đến việc phát triển hệ thống giáo dục mở và ứng dụng công nghệ thông tin. Đặc biệt, sự ra đời của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) đánh dấu một bước tiến pháp lý quan trọng, thay thế cho Nghị định 13/2023/NĐ-CP trước đó. Luật này quy định một cách toàn diện về quyền của chủ thể dữ liệu, trách nhiệm của bên kiểm soát và xử lý dữ liệu, cũng như các chế tài nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm. Cùng với các quy định chuyên ngành như Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT về Khung năng lực số cho người học,

Việt Nam đã có một hệ thống chính sách và pháp luật khởi đầu cho việc xây dựng XHHT số. Tuy nhiên, khi phân tích sâu hơn, hệ thống này vẫn còn bộc lộ nhiều khoảng trống và bất cập:

Một là, thiếu vắng một khung pháp lý chuyên biệt và toàn diện cho giáo dục số, đặc biệt là các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025, dù tiến bộ, vẫn là một đạo luật khung. Thực tiễn cho thấy, dữ liệu cá nhân của học sinh, sinh viên đang bị rò rỉ và rao bán công khai với quy mô lớn. Tình trạng lộ, lọt thông tin tuyển sinh (Báo Lao Động, 2025) hay việc Công an TP. Hồ Chí Minh phải lên tiếng cảnh báo về việc thông tin cá nhân của học sinh bị mua bán (Lê, 2023) là những minh chứng đáng báo động. Nguy cơ này càng trở nên nghiêm trọng hơn khi có tới hơn 800.000 camera giám sát tại Việt Nam, bao gồm cả camera tại các cơ sở giáo dục, có nguy cơ bị xâm nhập và chia sẻ hình ảnh (Lê, 2024). So với chuẩn mực quốc tế chặt chẽ như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của châu Âu, pháp luật Việt Nam hiện nay chưa có các quy định đặc thù để giải quyết các vấn đề riêng biệt của môi trường giáo dục, chẳng hạn như trách nhiệm của các nhà cung cấp nền tảng công nghệ giáo dục (EdTech) hay quy trình xử lý khủng hoảng khi xảy ra sự cố rò rỉ dữ liệu (Trần & Nguyễn, 2025). Tương tự như các thách thức đã được ghi nhận tại châu Âu (Gallego-Arrufat và nnk., 2024), sự thiếu vắng này tạo ra một “vùng xám” pháp lý, gây tâm lý lo ngại cho phụ huynh và các cơ sở giáo dục.

Hai là, cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với học liệu số chưa đủ mạnh để khuyến khích sự sáng tạo và chia sẻ.

XHHT số chỉ có thể phát triển mạnh mẽ khi có một kho tài nguyên giáo dục mở

(OER) phong phú và chất lượng (Nguyễn, 2022). Tuy nhiên, thực trạng vi phạm bản quyền trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam đang diễn ra hết sức phức tạp. Không chỉ sách giáo khoa bị làm lậu, mà ngay cả các sản phẩm mang tính đặc thù cao như sách nghiên cứu, kỹ yếu hội thảo khoa học cũng bị rao bán tràn lan trên mạng (Minh, 2024). Gần đây nhất, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã phải lên tiếng tố cáo hàng loạt website và nền tảng học tập trực tuyến lớn vi phạm bản quyền nghiêm trọng đối với các bộ sách giáo khoa điện tử (Báo Người Lao Động, 2025). Tình trạng các bài giảng, khóa học trực tuyến bị sao chép, mua bán trái phép trên các hội nhóm mạng xã hội đã trở nên phổ biến (VTV, 2019). Pháp luật hiện hành còn thiếu các quy định rõ ràng về “sử dụng hợp lý” (fair use) trong môi trường số và các chế tài chưa đủ sức răn đe, làm giảm động lực sáng tạo của các tác giả và các nhà đầu tư vào nội dung giáo dục (Trần & Nguyễn, 2025).

Ba là, khoảng cách pháp lý trong việc thu hút và quản lý các nguồn lực đầu tư cho giáo dục số.

Nghị quyết 71-NQ/TW đã nhấn mạnh yêu cầu “lấy đầu tư công dẫn dắt, thu hút nguồn lực xã hội” (Bộ Chính trị, 2025). Tuy nhiên, các chính sách ưu đãi đầu tư hiện nay còn tồn tại bất cập. Pháp luật chưa có định nghĩa rõ ràng về “dự án đầu tư xanh” hay các tiêu chí kỹ thuật cụ thể, dẫn đến nguy cơ các nhà đầu tư có thể “tô xanh” dự án để hưởng ưu đãi mà không thực sự đóng góp vào phát triển bền vững (Phùng, 2025). Hơn nữa, cơ chế thu hồi ưu đãi khi nhà đầu tư vi phạm các cam kết (bao gồm cả cam kết về môi trường và xã hội) còn yếu, làm giảm hiệu quả của chính sách và tiềm ẩn rủi ro lãng phí nguồn lực nhà nước.

Bốn là, pháp luật chưa có các chính sách đủ mạnh và bền vững để giải quyết “khoảng cách số” (digital divide).

Sự chênh lệch lớn về hạ tầng công nghệ, khả năng tiếp cận thiết bị và năng lực số giữa các vùng miền, nhóm đối tượng là một rào cản cố hữu (Bộ Chính trị, 2025). Báo cáo MICS-EAGLE năm 2022 của UNICEF cho thấy một bức tranh đáng lo ngại: chỉ có 19% học sinh thuộc các hộ gia đình nghèo nhất được tiếp cận với Internet để học tập. Tỷ lệ này ở khu vực nông thôn (20%) thấp hơn rất nhiều so với khu vực thành thị (41%). Đặc biệt, khu vực Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ học sinh không được tiếp cận cả ba công cụ học tập từ xa (tivi, internet, máy tính) cao nhất cả nước (UNICEF, 2022). Mặc dù người dùng kỹ thuật số ở nông thôn đang gia tăng (Google, 2023), nhưng Báo cáo về kỹ thuật số Việt Nam 2024 vẫn chỉ ra sự chênh lệch lớn về tốc độ và chất lượng truy cập (DCCA, 2024). Các chính sách hỗ trợ hiện nay chủ yếu mang tính ngắn hạn, chưa được thể chế hóa thành các chiến lược pháp lý quốc gia với nguồn lực đảm bảo và lộ trình dài hạn, dẫn đến hiệu quả chưa cao và thiếu bền vững (Bộ Chính phủ, 2022).

Một điểm đáng lưu ý khác đó là tồn tại một mâu thuẫn tiềm tàng giữa hai định hướng chính sách lớn của Việt Nam. Một mặt, Nghị quyết 71-NQ/TW yêu cầu một cuộc “chuyển đổi số toàn diện” và “ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo”, một quá trình đòi hỏi việc thu thập và phân tích dữ liệu quy mô lớn. Mặt khác, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 lại thiết lập một cơ chế bảo vệ rất nghiêm ngặt, đề cao quyền tự quyết và sự đồng ý rõ ràng của chủ thể dữ liệu. Mâu thuẫn này đặt ra một thách thức pháp lý lớn: làm thế nào để hài hòa

giữa mục tiêu thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu và yêu cầu bảo vệ quyền riêng tư của công dân? Việc thiếu một cơ chế pháp lý rõ ràng để cân bằng hai lợi ích này có thể dẫn đến tình trạng hoặc là các dự án AI trong giáo dục bị đình trệ do lo ngại vi phạm pháp luật, hoặc là quyền riêng tư của người học bị xem nhẹ để phục vụ cho các mục tiêu công nghệ. Đây là một khoảng trống chính sách cần được giải quyết khẩn trương.

4.2. Luận giải về vai trò đòn bẩy của chính sách pháp luật trong việc thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững

Việc hoàn thiện chính sách pháp luật về XHHT số không chỉ là yêu cầu tự thân của ngành giáo dục mà còn là một đòn bẩy chiến lược để Việt Nam thực hiện thành công các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs).

- *Tác động đến SDG 4 (Giáo dục chất lượng)*: Nghị quyết 71-NQ/TW đặt mục tiêu đưa giáo dục Việt Nam “đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á” (Bộ Chính trị, 2025). Để đạt được mục tiêu này, điều kiện tiên quyết là phải có một khung pháp lý rõ ràng về tiêu chuẩn chất lượng, kiểm định giáo dục số và bảo hộ sở hữu trí tuệ. Pháp luật minh bạch sẽ tạo ra một sân chơi công bằng, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh dựa trên chất lượng, khuyến khích đổi mới, và đảm bảo giá trị của các văn bằng, chứng chỉ được cấp qua hình thức đào tạo số.

- *Tác động đến SDG 10 (Giảm bất bình đẳng) và SDG 5 (Bình đẳng giới)*: Pháp luật là công cụ hữu hiệu nhất để thu hẹp “khoảng cách số” và đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục. Việc luật hóa các chính sách đầu tư cho hạ tầng công nghệ ở vùng khó khăn, hỗ trợ thiết bị cho các nhóm yếu thế, và triển khai các

chương trình nâng cao năng lực số toàn dân sẽ đảm bảo “không ai bị bỏ lại phía sau”. Đặc biệt, giáo dục số có thể tạo ra cơ hội học tập linh hoạt cho phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng thường phải đối mặt với nhiều rào cản hơn trong việc tiếp cận giáo dục truyền thống, qua đó trực tiếp thúc đẩy bình đẳng giới.

- *Tác động đến SDG 16 (Hòa bình, Công lý và Thể chế vững mạnh)*: Sự ra đời của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 là một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng các thể chế số vững mạnh và đáng tin cậy. Khi quyền lợi và dữ liệu của người học được pháp luật bảo vệ một cách nghiêm túc, niềm tin của công chúng vào hệ thống giáo dục số sẽ được củng cố. Điều này không chỉ tạo điều kiện cho XHHT số phát triển lành mạnh mà còn góp phần xây dựng một xã hội thượng tôn pháp luật trong không gian số, phù hợp với tinh thần của SDG 16.

- *Tác động đến SDG 9 (Công nghiệp, Đổi mới và Cơ sở hạ tầng)*: Để thu hút các nguồn lực xã hội để xây dựng hạ tầng số hiện đại, bền vững cho giáo dục, cần xây dựng khung pháp lý rõ ràng và hấp dẫn về ưu đãi đầu tư, đặc biệt là “đầu tư xanh” (Phùng, 2025). Điều này không chỉ phục vụ cho ngành giáo dục mà còn góp phần vào việc xây dựng một hạ tầng quốc gia vững mạnh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phù hợp với mục tiêu của SDG 9.

Như vậy, có thể khẳng định, việc hoàn thiện chính sách pháp luật về XHHT số mang một ý nghĩa chiến lược, tạo ra tác động cộng hưởng tích cực đến nhiều mục tiêu phát triển. Đây chính là vai trò “đòn bẩy”, giúp Việt Nam chuyển hóa các cam kết chính trị thành những kết quả thực tiễn, hướng tới một tương lai phát triển bền vững.

4.3. Một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật về xã hội học tập số

Trên cơ sở phân tích thực trạng và các hạn chế, bất cập, để chính sách pháp luật thực sự trở thành đòn bẩy kiến tạo XHHT số và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững, bài viết đề xuất một số nhóm khuyến nghị trọng tâm sau:

Một là, ban hành một văn bản pháp lý chuyên biệt và toàn diện về giáo dục số. Để khắc phục tình trạng phân mảnh, thiếu đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành, cần thiết phải xây dựng và ban hành một đạo luật chuyên ngành, có thể dưới hình thức Luật Giáo dục số hoặc một chương riêng trong Luật Giáo dục hiện hành. Văn bản này sẽ là cơ sở pháp lý cao nhất, quy định một cách toàn diện các vấn đề cốt lõi như định nghĩa pháp lý, tiêu chuẩn chất lượng, kiểm định và phân định rõ quyền, trách nhiệm của các chủ thể. Việc này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục (SDG 4) mà còn góp phần xây dựng các thể chế số minh bạch và hiệu quả (SDG 16).

Hai là, cụ thể hóa và tăng cường cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực giáo dục. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 cần được hướng dẫn chi tiết bằng một Nghị định của Chính phủ dành riêng cho lĩnh vực giáo dục. Nghị định cần tập trung vào các vấn đề như cơ chế nhận được sự đồng ý của phụ huynh và người học, xác lập các tiêu chuẩn an ninh dữ liệu bắt buộc đối với các nền tảng công nghệ giáo dục (EdTech), và xây dựng một quy trình chuẩn về báo cáo, xử lý sự cố rò rỉ dữ liệu. Khi đã xây dựng được một cơ chế bảo vệ dữ liệu mạnh mẽ, niềm tin của công chúng sẽ được củng cố, từ đó thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của các thể chế giáo dục số (SDG 16).

Ba là, hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ và xây dựng chính sách quốc gia về tài nguyên giáo dục mở (OER). Khuyến nghị: (i) Sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ theo hướng quy định rõ ràng hơn về giới hạn và ngoại lệ của quyền tác giả vì mục đích giáo dục không vì lợi nhuận trong môi trường số (“fair use for education”); (ii) Xây dựng một Chính sách quốc gia về phát triển tài nguyên giáo dục mở, trong đó Nhà nước đầu tư ngân sách để sản xuất các bộ học liệu số chất lượng cao và phát hành chúng dưới giấy phép mở. Điều này sẽ tạo ra một kho tri thức phong phú, trực tiếp nâng cao chất lượng giáo dục (SDG 4) và thúc đẩy đổi mới sáng tạo (SDG 9).

Bốn là, thể chế hóa các chính sách thu hẹp khoảng cách số bằng một chương trình mục tiêu quốc gia. Khuyến nghị xây dựng và triển khai một chương trình mục tiêu quốc gia về “Phổ cập năng lực số và hạ tầng giáo dục thông minh”. Chương trình này cần có nguồn ngân sách riêng, mục tiêu và lộ trình rõ ràng, tập trung vào việc đầu tư hạ tầng internet ở vùng khó khăn và triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số đại trà. Đây là giải pháp nền tảng để giảm bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục (SDG 10) và thúc đẩy bình đẳng giới (SDG 5) một cách bền vững.

Năm là, cải cách cơ chế ưu đãi đầu tư gắn với các tiêu chí và công cụ giám sát hiệu quả. Khuyến nghị: (i) Sớm ban hành “Danh mục phân loại xanh” hoặc một danh mục tương tự về “Dự án đầu tư cho giáo dục số bền vững”, quy định các tiêu chí kỹ thuật cụ thể để nhận ưu đãi; (ii) Bổ sung vào Luật Đầu tư cơ chế giám sát và thu hồi ưu đãi nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết. Việc này sẽ thu hút các nguồn lực đầu tư có trách nhiệm

để xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, bền vững (SDG 9) và tăng cường quan hệ đối tác vì sự phát triển (SDG 17).

V. Kết luận

Bài viết đã luận giải rằng, mặc dù Việt Nam có cam kết chính trị mạnh mẽ về việc xây dựng XHHT số, hành lang pháp lý hiện hành vẫn còn nhiều bất cập và chưa theo kịp thực tiễn, tạo ra các rào cản về bảo vệ dữ liệu, sở hữu trí tuệ và công bằng trong tiếp cận giáo dục. Những hạn chế này không chỉ cản trở quá trình chuyển đổi số mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hiện thực hóa các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Do đó, bài viết khẳng định việc hoàn thiện chính sách pháp luật là một đòn bẩy chiến lược. Các khuyến nghị đã được đề xuất tập trung vào việc xây dựng một khung pháp lý chuyên biệt, toàn diện; tăng cường cơ chế bảo vệ quyền lợi người học; khuyến khích tài nguyên giáo dục mở và thể chế hóa các chính sách đầu tư, giám sát hiệu quả. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ kiến tạo một môi trường pháp lý an toàn và minh bạch, giải phóng tiềm năng của công nghệ, và góp phần đưa Việt Nam xây dựng thành công một XHHT số hiện đại, công bằng và bền vững./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- [2]. Báo Chính phủ. (2022). *Giảm khoảng cách số trong giáo dục giữa các vùng miền*. Truy cập từ <https://baochinhphu.vn/giam-khoang-cach-so-trong-giao-duc-giua-cac-vung-mien-102287439.htm>
- [3]. Báo Lao Động. (2025). *Phụ huynh ở Khánh Hòa lo ngại lộ thông tin cá nhân từ danh sách tuyển sinh*. Truy cập từ <https://laodong.vn/giao-duc/phu-huynh-o-khanh-hoa-lo-ngai-lo-thong-tin-ca-nhan-tu-danh-sach-tuyen-sinh-1565823.ldo>
- [4]. Báo Người Lao Động. (2025). *NXB Giáo dục Việt Nam tố bị một số website, nền tảng học tập trực tuyến vi phạm bản quyền*. Truy cập từ <https://nld.com.vn/nxb-giao-duc-viet-nam-to-bi-mot-so-website-nen-tang-hoc-tap-truc-tuyen-vi-pham-ban-quyen-196250319180451984.htm>
- [5]. Conrads, J., Rasmussen, M., Winters, N., Geniet, A., & Langer, L. (2017). *Digital Education Policies in Europe and Beyond: Key Design Principles for More Effective Policies*. Publications Office of the European Union.
- [6]. DCCA. (2024). *Báo cáo về kỹ thuật số Việt Nam 2024*. Hiệp hội Truyền thông số Việt Nam. Truy cập từ <https://dcca.org.vn/bao-cai-ve-ky-thuat-so-viet-nam-2024>
- [7]. Đặng, Q. T. (2021). Tiếp tục xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030. *Con số và Sự kiện, Kỳ 1-9/2021*, 25-27.
- [8]. Gallego-Arrufat, M.-J., García-Martínez, I., Romero-López, M.-A., & Torres-Hernández, N. (2024). Digital rights and responsibility in education: A scoping review. *Education Policy Analysis Archives*, 32(3).
- [9]. Google. (2023). *Người dùng kỹ thuật số ở nông thôn Việt Nam đang gia tăng*. Bộ Khoa học và Công nghệ. Truy cập từ <https://mst.gov.vn/google-nguoi-dung-ky-thuat-so-o-nong-thon-viet-nam-dang-gia-tang-197156516.htm>
- [10]. Lê, T. M. H. (2023). Xây dựng mô hình xã hội học tập đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. *Tạp chí Tuyên giáo*, 2-2023, 60-64.
- [11]. Lê, T. (2024). Cảnh báo hơn 800.000 camera giám sát của Việt Nam bị chia sẻ dữ liệu hình ảnh trên mạng. *Pháp luật & Phát triển*. Truy cập từ <https://phapluatphattrien.vn/canh-bao-hon-800000-camera-giam-sat-cua-viet-nam-bi-chia-se-du-lieu-hinh-anh-tren-mang>

- 800000-camera-giam-sat-cua-viet-nam-bi-chia-se-du-lieu-hinh-anh-tren-mang-d1832.html
- [12]. Lê, V. (2023). Công an TP. Hồ Chí Minh cảnh báo thông tin cá nhân học sinh bị lộ qua nhiều hình thức khác nhau. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. Truy cập từ <https://lsvn.vn/cong-an-tp-ho-chi-minh-can-bao-thong-tin-ca-nhan-hoc-sinh-bi-lo-qua-nhieu-hinh-thuc-khac-nhau-1679021875-a128737.html>
- [13]. Minh, H. (2024). Sách nghiên cứu, kỹ yếu hội thảo cũng được rao bán trên mạng. *Báo Lao Động*. Truy cập từ <https://laodong.vn/van-hoa-giai-tri/sach-nghien-cuu-ky-yeu-hoi-thao-cung-duoc-rao-ban-tren-mang-1367342.lido>
- [14]. Nguyễn, G. Q. Đ., Mai, H. T., & Cao, H. V. (2024). Giải pháp xây dựng xã hội học tập số ở Việt Nam hiện nay. *Journal of educational equipment: Applied research*, 2(323), 160-162.
- [15]. Nguyễn, T. M. C. (2021). Xây dựng xã hội học tập (2001-2021) chủ trương, sự chỉ đạo và một số kết quả. *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 9-2021, 31-37
- [16]. Nguyễn, D. M. T. (2022). Ứng dụng dữ liệu mở liên kết nhằm nâng cao chất lượng của các kho tri thức số. *Thông tin và Tư liệu*, 6/2022, 26-33.
- [17]. Phạm, V. Q. (2024). Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập gắn với đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các trường chính trị tỉnh hiện nay. *Giáo dục & Xã hội*, 11/2024 (kì I), 31-51.
- [18]. Phùng, T. Q. (2025). Một số vấn đề pháp lý về ưu đãi đầu tư đối với FDI của Việt Nam trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế xanh. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Hà Nội, Khoa học Xã hội*, 16(2), 9-15.
- [19]. Trần, C. A., & Nguyễn, T. T. L. (2025). Legal Barriers in Developing Educational Technology. *Vietnam Journal of Education*, 9(1), 110-117.
- [20]. Trần, H. Đ. (2016). Định hướng xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam trong điều kiện phát triển nền kinh tế tri thức hiện nay. *Lý luận chính trị & Truyền thông*, 5-2016, 61-64
- [21]. Trần, T. L. T. (2019). Vai trò của đào tạo trực tuyến trong giáo dục thường xuyên nhằm xây dựng xã hội học tập. *Journal of Education Management*, 11(12), 1-8.
- [22]. Trần, T. T. T. (2021). Từ thực tiễn ứng dụng đến dự đoán xu hướng phát triển mô hình lớp học ảo trên đám mây điện toán. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 5(2), 1019-1025
- [23]. UNICEF. (2022). *Phân tích các khía cạnh học tập và công bằng qua dữ liệu Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam (MICS-EAGLE)*.
- [24]. VTV. (2019). *Xâm phạm bản quyền tác giả trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo*. Báo điện tử VTV News. Truy cập từ <https://vtv.vn/chuyen-dong-24h/xam-pham-ban-quyen-tac-gia-trong-linh-vuc-giao-duc-dao-tao-20191231150228593.htm>
- [25]. Zahynei-Zabolotenko, Z., Tkachenko, I., Suprun, V., Kvasha, O., Prysiashniuk, I., & Moisieienko, L. (2023). Legal Aspects of Pedagogical Education in a Digital Society Under the Implementation of the Social Function of the State. *Journal of Law and Sustainable Development*, 11(6), e01253.

PERFECTING THE LEGAL POLICY ON DIGITAL LEARNING SOCIETY: A LEVER FOR IMPLEMENTING SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS IN VIETNAM

*Duong Van Quy*²

Abstract: *This article analyzes the current state of legal policy on the digital learning society in Vietnam within the context of the Fourth Industrial Revolution and the Sustainable Development Goals (SDGs). The research indicates that, despite political will, the current legal framework remains fragmented and has numerous shortcomings concerning personal data protection, intellectual property, and equity in access, which hinders the process of digital transformation in education. Using doctrinal legal analysis, comparative, and synthesis methods, the article argues for the “leveraging” role of perfecting the legal policy in achieving the SDGs. Based on this analysis, the author proposes specific recommendations to build a synchronous and effective legal framework, contributing to the promotion of sustainable development in Vietnam.*

Keywords: *legal policy, digital learning society, sustainable development, SDGs, Vietnam*

² LL.M., Lawyer, Ho Chi Minh City Bar Association